TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Cẩm

2. Bà Lê Thị Hạnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Đình Thịnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Ông Trần Phương Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 952/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Thanh N, sinh năm 1982; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2023, các văn bản trình bày khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh N trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là Ủy ban nhân dân phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi ngày 31/01/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T

thay đổi tính tình, không lo cho vợ con, thường xuyên nóng giận vô cớ, có những lời nói xúc phạm đến chị, bản thân chị đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh T vẫn bỏ mặc, không quan tâm. Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị xảy ra liên tục, kéo dài nhưng vì nghĩ cho con nên chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để lo cho con. Cuối năm 2021 mâu thuẫn giữa vợ chồng chị trở nên nghiêm trọng nên chị về nhà mẹ đẻ sống mãi đến nay.

Hiện nay, giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được; chị và anh T không thể tiếp tục kéo dài quan hệ hôn nhân, vì có tiếp tục cũng không thể mang lại hạnh phúc cho hai bên. Vì vậy, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 24/6/2005 và Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 15/11/2013. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Huỳnh Trâm A mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa chị N khai hiện nay cháu H đã đủ 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con đối với cháu H và không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con chung Nguyễn Huỳnh Trâm A.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác cho bị đơn anh Nguyễn Văn T nhưng anh T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không đến Tòa án làm việc và không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập, thông báo của Tòa án.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh N. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Văn T; về con chung: Giao con chung Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 15/11/2013 cho chị N trực tiếp nuôi; anh T không phải cấp dưỡng cho con; đối với con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 24/6/2005 hiện đã trên 18 tuổi, chị N không yêu cầu giải quyết về nuôi con đối với cháu H nên không xem xét; về tài sản chung: Chị N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; về nợ chung: Chị N trình bày không có nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T và yêu cầu giao con chung của chị và anh T cho chị trực tiếp nuôi. Do đó, cần xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tại thời điểm chị Huỳnh Thị Thanh N khởi kiện thì bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại tổ dân phố V, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ (nay là phường P, thị xã Đ), tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31/01/2005. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị Thanh N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong quá trình chung sống, giữa vợ chồng chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T xảy ra nhiều mâu thuẫn, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị N phải chuyển về sống với cha mẹ đẻ. Mặc dù Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã nhiều lần phân tích, động viên vợ chồng đoàn tụ nhưng chị N trình bày không còn tình cảm vợ chồng với anh T và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Đối với anh Nguyễn Văn T, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác nhưng anh T từ chối nhận (hoặc nhận nhưng không ký biên bản), anh T biết chị N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh nhưng không có ý kiến phản đối, không tham gia phiên hòa giải và các phiên tòa. Như vậy, có thể xác định anh Nguyễn Văn T không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do đó, chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Thanh N có căn cứ xác định: Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 24/6/2005 và Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh ngày 15/11/2013. Trong đơn khởi kiện chị N yêu cầu Tòa án giao 02 con chung cho chị trực tiếp nuôi. Xét yêu cầu về nuôi con của chị Huỳnh Thị Thanh N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đối với cháu Nguyễn Quốc H: Tại phiên tòa, chị N xác định hiện nay cháu H đã trên 18 tuổi, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con đối với cháu H. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A: Hiện nay cháu A đang sống cùng với chị N và do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; đồng thời, cháu A là nữ và trình bày có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, để đáp ứng theo nguyện vọng của cháu Nguyễn Huỳnh Trâm A, cũng như để ổn định cuộc sống và các quyền lợi về mọi mặt cho cháu A, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh N, giao cháu A cho chị N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị Thanh N được giao trực tiếp nuôi con nhưng không yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung; anh Nguyễn Văn T không có văn bản trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà chị N đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, các Điều 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Thanh N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị Thanh N được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Chị Huỳnh Thị Thanh N và anh Nguyễn Văn T có 02 con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 24/6/2005 và Nguyễn Huỳnh Trâm A, sinh

ngày 15/11/2013. Giao con chung Nguyễn Huỳnh Trâm A cho chị Huỳnh Thị Thanh N trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Đối với con chung Nguyễn Quốc H, hiện nay đã trên 18 tuổi, chị N và anh T đều không có yêu cầu về nuôi con đối với cháu H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về cấp dưỡng cho con: Chị Huỳnh Thị Thanh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Huỳnh Thị Thanh N không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và trình bày vợ chồng không có nợ chung; anh Nguyễn Văn T không có văn bản trình bày về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí:

Chị Huỳnh Thị Thanh N phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006353 ngày 29/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- UBND phường P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;
- Lưu Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Phong